

NHU CẦU HỌC NGHỀ CỦA TRẺ EM LAO ĐỘNG SỚM TẠI TỈNH AN GIANG

Lê Thị Hồng Hạnh

*Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Email: lthanh@agu.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 05/10/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/11/2021; Ngày duyệt đăng: 07/3/2022

Tóm tắt

Nghiên cứu nhằm xác định nhu cầu học nghề, và định hướng nghề nghiệp của trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động sớm ở tỉnh An Giang. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập từ 136 trẻ em có nguy cơ hoặc tham gia lao động sớm ở huyện Châu Phú, huyện Chợ Mới, huyện An Phú và thành phố Châu Đốc thông qua cách tiếp cận điều tra xã hội học. Kết quả khảo sát cho thấy, đa số trẻ từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em đều mong muốn được học nghề và định hướng nghề nghiệp của các em chủ yếu là các nhóm ngành nghề liên quan đến kỹ thuật. Các giải pháp nâng cao hiệu quả tham vấn hướng nghiệp và hỗ trợ đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu học nghề của nhóm trẻ này được đề xuất nhằm mục đích tạo khả năng có việc làm bền vững cho các em khi đến tuổi lao động cũng như nâng cao hiệu quả đào tạo nghề, góp phần hạn chế di cư và giảm thiểu lao động trẻ em tại địa bàn nghiên cứu.

Từ khóa: *Hướng nghiệp, lao động sớm, nhu cầu học nghề, trẻ em.*

VOCATIONAL TRAINING NEEDS AMONG CHILD LABOUR IN AN GIANG PROVINCE

Le Thi Hong Hanh

*Social Sciences and Humanities Research Center,
An Giang University, Vietnam National University, Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: lthanh@agu.edu.vn*

Article history

Received: 05/10/2021; Received in revised form: 05/11/2021; Accepted: 07/3/2022

Abstract

This study was conducted to identify the vocational training needs, career capacity orientation of child labour from 14 to under 18 years old in An Giang Province. The data was collected by surveying 136 children in Chau Phu District, Cho Moi District, An Phu District, and Chau Doc City. The results showed that the majority of target children at risk or in child labor wanted to receive vocational training and were interested in technical major. The solutions are proposed to improve the effectiveness of career counseling and vocational training supports which enables children to have sustainable jobs when they reach working age as well as to increase the quality of vocational training, contributing to limit migration and minimize child labor in the study area.

Keywords: *Career guidance, children, child labor, vocational training needs.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.1.2023.1020>

Trích dẫn: Lê, T. H. H. (2023). Nhu cầu học nghề của trẻ em lao động sớm tại tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(1), 72-80. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.1.2023.1020>.

1. Đặt vấn đề

An Giang là tỉnh thuộc vùng Tây Nam Bộ, nằm ở vị trí đầu nguồn của Đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh An Giang có 11 đơn vị hành chính cấp thành phố, huyện trực thuộc và 56 đơn vị hành chính cấp xã/phường/thị trấn với tổng dân số năm 2019 là 1.908.601 người (dân số sống trong khu vực nông thôn chiếm 68,41%) (Cục Thống kê tỉnh An Giang, 2020). Toàn tỉnh An Giang có 540.428 trẻ em, trong đó có khoảng 6.600 trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, 50.055 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; một bộ phận trẻ em ngoài thời gian đến trường sẽ phụ giúp cha mẹ làm việc đồng áng, theo gia đình đi làm công nhân ở các tỉnh như Bình Dương, Đồng Nai (di cư lao động, bao gồm cả trẻ vị thành niên và trẻ em) và có nhiều em phải bỏ học, tham gia lao động sớm (Khánh, 2019). Theo thống kê của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, riêng năm học 2019-2020 thì số trẻ bỏ học do phải đi lao động sớm ở bậc tiểu học là 23 trẻ; bậc trung học cơ sở là 555 trẻ và bậc trung học phổ thông là 217 trẻ (Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang, 2020). Phần lớn lao động trẻ em ở An Giang làm việc tại các làng nghề hoặc trong nông nghiệp, một số trẻ em làm việc trong các nhà hàng hoặc trên đường phố (chủ yếu là bán vé số) hoặc di cư lao động đến các thành phố lớn.

Nhằm giảm thiểu lao động trẻ em cũng như trang bị cho trẻ những kỹ năng cần thiết để các em có thể tiếp cận được với công việc tử tế và lâu dài, tỉnh An Giang đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ. Hiện tại hệ thống dạy nghề phát triển rộng khắp các huyện, thị, thành phố và cung cấp các hoạt động dạy nghề khác nhau cho cả trẻ vị thành niên (từ 14-18 tuổi) và người lớn. Tuy nhiên các chương trình dạy nghề này lại phụ thuộc rất nhiều vào ngân sách trong Chương trình 1956 hoặc Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 và tỷ lệ trẻ vị thành niên được ưu tiên tham gia học nghề còn hạn chế. Theo nghiên cứu của Trần (2017) cho thấy số lượng người có nhu cầu học nghề tập trung chủ yếu ở khu vực nông thôn nhưng ở các huyện chỉ có 01 trường trung cấp nghề và chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo của người dân địa phương; đa số các lớp dạy nghề theo Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn được tổ chức dạy lưu động ở các xã, thị trấn nên công tác quản lý, giám sát lớp của các cơ sở dạy nghề

không được thường xuyên; các lớp dạy nghề “ngắn hạn, sơ cấp nghề” chỉ đủ để học viên làm quen với nghề chứ chưa đảm bảo thành thạo nghề; công tác hướng nghiệp cho học sinh phổ thông chưa được đầu tư đúng mức và chưa xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng của học sinh, do đó chất lượng hướng nghiệp không cao; các ngành nghề được đào tạo chưa phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; động cơ lựa chọn nghề của học sinh không dựa trên nhu cầu việc làm của xã hội mà chủ yếu là do các nhân tố tác động như: chọn nghề vì gần nhà, vì nguyện vọng của người thân trong gia đình, phù hợp với xu hướng chọn nghề (chọn theo trào lưu), vì điều kiện kinh tế gia đình, vì bạn bè rủ rê, vì dư luận xã hội; năng lực của giáo viên nghề còn hạn chế (Trần, 2017).

Thực trạng về công tác đào tạo nghề cho thấy có nhiều yếu tố tác động đến hiệu quả của hoạt động dạy và học nghề, trong đó động cơ lựa chọn nghề nghiệp và tư vấn hướng nghiệp là hai nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng làm việc không đúng ngành nghề của học viên sau khi tốt nghiệp. Đặc biệt là ở độ tuổi vị thành niên thì việc lựa chọn nghề nghiệp còn phụ thuộc vào cha mẹ, người chăm sóc, thầy cô và bạn bè. Điều này đặt ra yêu cầu thực hiện nghiên cứu về nhu cầu học nghề và lao động việc làm của trẻ vị thành niên, đặc biệt là trẻ em có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em là cần thiết trong việc giúp cung cấp bức tranh về nhu cầu học nghề và đào tạo kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp của các em, từ đó làm cơ sở cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp cũng như thực hiện các mô hình can thiệp nhằm phòng ngừa và đưa trẻ em tránh khỏi các nguy cơ hoặc các hình thức lao động tồi tệ nhất.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện thông qua hai phương pháp chính: (1) Phương pháp định tính và (2) phương pháp định lượng. Trong đó, phương pháp định lượng được tiến hành để khảo sát nhu cầu học nghề, nhu cầu học kỹ năng và trải nghiệm năng lực nghề nghiệp (trắc nghiệm Hollan (Hò & Trần, 2013)) của 136 trẻ từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi đã bỏ học; gia đình nghèo hoặc khó khăn, đang tham gia làm việc phụ giúp vào thu nhập gia đình, có nguy cơ bỏ học và đang sinh sống tại chín xã/phường thuộc huyện An Phú, thành phố Châu Đốc, huyện Châu Phú và huyện

Chợ Mới tỉnh An Giang (xã Phú Hữu và xã Nhơn Hội huyện An Phú; phường Núi Sam và phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc; xã Mỹ Phú và xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; xã Tấn Mỹ, xã An Thạnh Trung và xã Mỹ An, huyện Chợ Mới). Số lượng trẻ tham gia khảo sát được xác nhận từ danh sách thống kê, quản lý của cán bộ chuyên trách công tác xã hội, dân số, bảo vệ trẻ em cấp xã/phường/thị trấn. Phương pháp định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn sâu 04 trẻ về các vấn đề liên quan đến đào tạo nghề nhằm bổ sung và hoàn thiện thêm cho các thông tin được thu thập từ nghiên cứu định lượng. Sau khi hoàn tất việc khảo sát, dữ liệu định lượng sẽ được kiểm tra, hiệu chỉnh và loại bỏ nếu không đáp ứng được yêu cầu. Sau đó, các phiếu hỏi sẽ được tiến hành mã hóa, nhập liệu và làm sạch dữ liệu thông qua phần mềm thống kê SPSS. Dữ liệu này sẽ được phân tích theo bảng tần suất. Riêng dữ liệu định tính sẽ được phân tích theo chủ điểm.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Nhu cầu học nghề và năng lực nghề nghiệp của trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em tại tỉnh An Giang

Kết quả khảo sát cho thấy có 31,1% trẻ từ 14 đến dưới 18 tuổi tham gia phụ giúp các công việc gia đình (như nội trợ, trông em, phụ giúp các công việc chăn nuôi, làm nông nghiệp) và 68,9% trẻ em phải tham gia lao động kiếm tiền. Các công việc mà trẻ em tham gia lao động kiếm tiền chủ yếu là công việc làm thuê như hái ốt, phụ hồ, chăn vịt, chạy cá, nhân viên phụ xe, trông em mướn, phụ bán hàng, đúc gạch, bán vé số, bơm cát, lựa đậu, cắt lúa, bán kẹo kéo, làm gạch, cạo điều mướn, phun xịt thuốc mướn.... Thời gian làm việc của mỗi trẻ tùy thuộc vào tính chất công việc. Trung bình trẻ làm việc ít nhất là 5 tiếng/ngày và cao nhất là 19 tiếng/ngày đối với công việc trông coi nhà trọ (thời gian làm việc tùy thuộc vào lượt khách thuê phòng trọ vào ban ngày và ban đêm). Số tiền trẻ kiếm được dao động từ 50.000 đồng/ngày - 150.000 đồng/ngày. Cha mẹ và người chăm sóc trẻ cũng làm những công việc không ổn định, chủ yếu là làm thuê/mướn, buôn bán nhỏ hoặc làm ruộng, làm công nhân xa nhà nên thu nhập thấp, đời sống còn nhiều khó khăn. Nhiều trẻ đang sống cùng cha hoặc mẹ (do mồ côi cha hoặc mẹ hoặc cha mẹ đã li hôn); hoặc chỉ sống với ông bà nội/ngoại hoặc cô, dì, chú, bác (do mồ côi cả cha và mẹ hoặc cha mẹ đi làm ăn

xa). Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến nhiều trẻ em bỏ học và không thể tham gia học nghề nếu không được hỗ trợ.

Về tình trạng giáo dục, kết quả khảo sát cũng cho thấy chỉ có 5,7% trẻ (7 trẻ) đang còn theo học từ lớp 8 đến lớp 11 tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Số trẻ còn lại đã bỏ học (chiếm tỷ lệ 94,3%). Trong tổng số trẻ đã bỏ học có 0,9% trẻ có trình độ lớp 10; 19,1% trẻ có trình độ lớp 9 (trung học cơ sở); 54,7% trẻ có trình độ từ lớp 6 đến lớp 8 và 25,3% trẻ có trình độ từ lớp 1 đến lớp 5. Kết quả này cho thấy trình độ học vấn của trẻ từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em là khá thấp. Điều này sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn khóa học nghề phù hợp và duy trì tham gia học nghề của các em.

3.1.1. Nhu cầu học nghề và học kỹ năng mềm

Trong 136 trẻ tham gia khảo sát thì có 122 trẻ (chiếm 89,7%) có nguyện vọng học nghề, trong đó có 98,4% trẻ ở độ tuổi từ 14-17 tuổi (2002- 2005) (115 trẻ) và 1,6% trẻ (2 trẻ) có độ tuổi gần 18 tuổi (Bảng 1).

Bảng 1. Độ tuổi của trẻ có nguyện vọng học nghề

Tuổi	Số lượng	Tỷ lệ %
14 tuổi	37	30,3
15 tuổi	31	25,4
16 tuổi	34	27,9
17 tuổi	18	14,8
Trên 17 tuổi (gần 18 tuổi)	2	1,6
Tổng	122	100

Những ngành nghề mà trẻ muốn học chủ yếu là các nghề mang tính kỹ thuật. Tổng cộng có 22 nghề được trẻ chọn học, trong đó có 5 nghề được nhiều trẻ lựa chọn nhất đó là: (1) Làm móng, trang điểm, cắt tóc nữ (32,8%); (2) Sửa xe máy (15,6%); (3) Cắt tóc nam (9,8%), (4) Sửa chữa ô tô (9,8%); (5) May - ủi công nghiệp (8,2%) (Bảng 2).

Bảng 2. Ngành nghề trẻ có nhu cầu học

Nhu cầu học nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Làm móng, trang điểm và cắt tóc nữ	40	32,8
Sửa xe máy	19	15,6

Cắt tóc nam	12	9,8
Sửa chữa ô tô	12	9,8
May - ủi công nghiệp	10	8,2
Điện gia dụng	4	3,3
Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn	4	3,3
Xây dựng	4	3,3
Sửa chữa máy nông nghiệp	3	2,6
Sửa chữa máy điều hòa	2	1,6
Cơ khí	1	0,8
Công nghệ thông tin, lập trình phần mềm cho máy tính, điện thoại	1	0,8
Đánh nhạc lễ	1	0,8
Điện công nghiệp	1	0,8
Điện lạnh	1	0,8
Lái xe tải	1	0,8
May gia dụng	1	0,8
Mộc	1	0,8
Nuôi trồng thủy sản	1	0,8
Pha chế tổng hợp	1	0,8
Phun xăm thẩm mỹ	1	0,8
Thợ nhôm	1	0,8
Tổng	122	100

Lý do mà trẻ chọn học các ngành nghề trên là do trẻ thích và do cha mẹ/người chăm sóc định hướng hoặc muốn học nghề gì đó trong khi chờ đủ tuổi để đi lao động/tìm việc làm ở các thành phố lớn. “Em chọn nghề này vì em thấy thích, em cũng chưa biết mình có khả năng và phù hợp thật sự với nghề đó không, em cũng chưa nghĩ đến việc xin việc ở đâu sau khi học xong” (N.T.M.T, huyện Châu Phú) hay “Em chọn nghề đó vì mẹ em muốn. Sau khi học xong em đi Bình Dương làm, nhà em có người đi bà con cũng đang làm việc đó ở Bình Dương” (T.T.P.N - huyện Chợ Mới).

Xét theo từng huyện cho thấy, trẻ chọn học những ngành nghề tương đối giống nhau. Ở huyện An Phú, trẻ chủ yếu chọn học nghề làm móng, trang điểm và cắt tóc nữ; sửa xe máy. Trẻ ở thành phố Châu Đốc chủ yếu chọn nghề làm móng, trang điểm, cắt

tóc nữ; may công nghiệp; cắt tóc nam, sửa xe máy và nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn (Châu Đốc là thành phố phát triển du lịch). Trẻ của huyện Châu Phú chủ yếu chọn làm móng, trang điểm và cắt tóc nữ; sửa xe máy, cắt tóc nam; sửa chữa ô tô và may công nghiệp. Trẻ ở huyện Chợ Mới chủ yếu chọn sửa chữa ô tô; làm móng, trang điểm và cắt tóc nữ.

Về địa điểm học nghề: Có 60,9% trẻ mong muốn được học nghề tại địa bàn xã/phường nơi các em sinh sống; 13,9% trẻ có mong muốn học nghề tại các cơ sở dạy nghề trên địa bàn huyện; 13,2% trẻ có mong muốn học nghề tại thành phố Châu Đốc và 9,8% trẻ có nhu cầu học nghề tại thành phố Long Xuyên (Bảng 3). Những trẻ có mong muốn học nghề tại địa bàn xã/ phường là do các em không có điều kiện, phương tiện đi lại, gia đình đơn chiếc và bản thân chưa từng đi xa nên sợ.

Bảng 3. Địa điểm trẻ muốn học nghề

Địa điểm	Số lượng	Tỷ lệ
Chưa xác định được địa điểm	1	0,8
Tại địa bàn xã/phường	74	60,7
Tại cơ sở, đào tạo nghề trên địa bàn huyện	17	13,9
Tại thành phố Châu Đốc	16	13,2
Tại thành phố Long Xuyên	12	9,8
Nơi khác (Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Tháp)	2	1,6
Tổng	122	100

Về thời gian học nghề: Có 15,6% trẻ có nguyện vọng học nghề ở trình độ ngắn hạn (dưới 3 tháng); 23,8% trẻ có nguyện vọng học nghề ở trình độ sơ cấp (3 tháng); 29,5% trẻ có nguyện vọng học trung cấp nghề; 13,9% trẻ có nguyện vọng học cao đẳng nghề; 14,7% trẻ có nguyện vọng học 5 - 6 tháng hoặc đến khi lành nghề (Bảng 4). Với những trẻ có nguyện vọng học các khóa nghề ngắn hạn thì các nghề thường chọn là làm móng (nail), hót tóc nam; trồng trọt, chăn nuôi hoặc may công nghiệp, ủi công nghiệp. Mục đích của các em khi chọn các nghề trên là để có thể đi làm móng dạo gần nhà hoặc mở tiệm hót tóc tại nhà/ chăn nuôi, trồng trọt tại gia đình hoặc xin việc tại các công ty may mặc. Còn với những trẻ có nguyện vọng học từ 5 - 6 tháng hoặc cho đến khi lành nghề thường chọn nghề sửa chữa ô tô, xe máy,

điện lạnh, điện tử, làm đẹp (làm móng, gội đầu, hót tóc, trang điểm, chăm sóc da) và may dân dụng... Riêng đối với những trẻ có nguyện vọng học trung cấp nghề hoặc cao đẳng thì thường chọn học công nghệ thông tin, kế toán doanh nghiệp, điện gia dụng, may mặc, nhà hàng - khách sạn... Tuy nhiên đa số những trẻ này chưa biết rằng để tham gia học trung cấp nghề, cao đẳng nghề thì bản thân các em cần phải tốt nghiệp trung học cơ sở. Vì vậy, hướng nghiệp và cung cấp thông tin cụ thể về khóa học cho nhóm trẻ này là rất cần thiết.

Bảng 4. Thời gian/trình độ học nghề

Thời gian	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Ngắn hạn (dưới 3 tháng)	19	15,6
Sơ cấp (3 tháng)	29	23,8
Trung cấp (1 - 2 năm)	36	29,5
Cao đẳng (2 - 3 năm)	17	13,9
Khác (5 - 6 tháng hoặc học tới khi lành nghề thì nghỉ)	18	14,7
Chưa xác định được	3	2,5
Tổng	122	100

Trong 122 trẻ có nhu cầu học nghề thì có 48 trẻ sẽ sử dụng xe đạp để đi học; 31 trẻ sẽ sử dụng xe máy hoặc đi xe máy nhờ cùng bạn; 9 trẻ có gia đình đưa rước và 34 trẻ không có phương tiện đi lại (có thể đi xe buýt hoặc xe ôm). Đối với việc học nghề của con cái, 105 trẻ cho rằng cha mẹ/người chăm sóc rất quan tâm và có quan tâm, ủng hộ việc học nghề của trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có 15 trẻ cho rằng cha mẹ/người chăm sóc bận đi làm nên ít quan tâm, ủng hộ việc học nghề của các em. Đặc biệt là có 2 trẻ cho rằng các em không biết rõ cha mẹ/người chăm sóc có quan tâm, ủng hộ việc học nghề của các em hay không.

Về nhu cầu học kỹ năng: Chỉ có 89 trẻ (chiếm tỷ lệ 73%) có nhu cầu được đào tạo thêm kỹ năng mềm, những trẻ còn lại không có nhu cầu học kỹ năng vì cho rằng bản thân đã tự tin với một số kỹ năng cơ bản và tại thời điểm hiện tại chỉ muốn chú tâm học nghề cũng như có thời gian làm thêm.

Những kỹ năng mà trẻ muốn học nhất sắp xếp theo thứ tự ưu tiên (Bảng 5):

Bảng 5. Nhu cầu học kỹ năng mềm

Thời gian	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Kỹ năng giao tiếp	18	20,2
Kỹ năng tự vệ	16	18,0
Kỹ năng quản lý thời gian	11	12,4
Kỹ năng quản lý tài chính cá nhân	10	11,2
Ngoại hình và thái độ trong công việc	9	10,1
Kỹ năng làm việc theo đội	8	9,0
Kỹ năng quản lý cảm xúc tiêu cực	7	7,9
Kỹ năng khởi nghiệp	6	6,7
Kỹ năng viết hồ sơ xin việc/phỏng vấn	4	4,5
Tổng	89	100

Những kỹ năng trên cần được cơ sở dạy nghề xem xét đưa vào giảng dạy trong chương trình đào tạo nghề cho trẻ.

3.1.2. Sở thích, năng lực nghề nghiệp của trẻ

Bảng 6. Thứ tự ưu tiên về sở thích/năng lực nghề nghiệp của trẻ

Sở thích	Số lượng ý kiến	Tỷ lệ %	Ưu tiên
Nhóm kỹ thuật "người hành động"	112	37,5	1
Nhóm nghệ thuật "người kiến tạo"	80	26,8	2
Nhóm quản lý "người thuyết phục"	55	18,4	3
Nhóm xã hội "người phục vụ"	38	12,7	4
Nhóm nghiên cứu "tư duy"	9	3,0	5
Nhóm nghiệp vụ	5	1,6	6
Tổng	299	100	

Kết quả tự đánh giá sở thích, năng lực nghề nghiệp theo trắc nghiệm Holland (1919-2008) cho thấy tỷ lệ trẻ có thiên hướng về kỹ thuật - "người hành động" và nghệ thuật "người kiến tạo" nhiều hơn so với tỷ lệ trẻ có các sở thích và năng lực khác. Xét theo thứ tự ưu tiên, năng lực nghề nghiệp của trẻ được sắp xếp theo thứ tự sau: (1) năng lực về kỹ thuật, (2) năng lực nghệ thuật, (3) năng lực quản lý,

(4) năng lực xã hội, (5) nghiên cứu và (6) nghiệp vụ. Kết quả này cho thấy đa số trẻ phù hợp với các ngành nghề như cơ khí, ô tô, điện, tin học hoặc các ngành nghề đòi hỏi sự khéo léo của tay chân như thể thao, nấu nướng, chăm sóc cây xanh, thủ công mỹ nghệ, kỹ thuật công nghiệp, điều khiển máy móc thiết bị, điều khiển các phương tiện giao thông - lái xe, thể dục - thể thao và những ngành nghề liên quan đến nghệ thuật như trang trí, thiết kế, làm đẹp, may mặc. Điều này là tương đối phù hợp với trình độ văn hóa, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh của đa số trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em.

Qua số liệu khảo sát trên có thể khẳng định rằng: Đa số trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em có nhu cầu được đào tạo nghề và bổ sung kỹ năng mềm cần thiết. Đồng thời trẻ cũng nhận thức được khả năng, điểm mạnh, điểm yếu và hoàn cảnh gia đình của bản thân. Tuy nhiên, nhóm trẻ này đều trong độ tuổi có biến động về tâm, sinh lý; hoàn cảnh gia đình khó khăn; nhiều trẻ chưa từng đi xa nhà, muốn học ở gần nhà và không có phương tiện đi lại. Đặc biệt là nhiều trẻ còn chưa có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, chọn nghề vì mình thích, theo trào lưu hoặc cha mẹ mong muốn. Do đó, cần tham vấn hướng nghiệp cụ thể cho từng trẻ trước khi thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho các em (tham vấn hướng nghiệp phải dựa trên nhu cầu học nghề, năng lực nghề nghiệp cá nhân của các em, kết hợp với nhu cầu của xã hội).

3.2. Giải pháp hướng nghiệp và hỗ trợ đào tạo nghề thông qua quản lý trường hợp cho trẻ em lao động sớm

Để tăng khả năng, cơ hội tiếp cận giáo dục và nghề nghiệp cho trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em thì cần phải có sự phối hợp của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân và cùng lúc phải thực hiện nhiều giải pháp. Các giải pháp như xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách, văn bản hỗ trợ đào tạo nghề dành cho nhóm trẻ vị thành niên, nhóm trẻ có nguy cơ và tham gia lao động trẻ em; giải pháp củng cố hệ thống giáo dục nghề nghiệp; đổi mới phương thức dạy và học nghề, giải quyết việc làm sau đào tạo là một trong những giải pháp vì mô quan trọng, có ý nghĩa quyết định, góp phần giảm thiểu lao động trẻ em và ổn định xã hội. Tuy nhiên xét trên thực tiễn nhu cầu của trẻ, tính cấp thiết của vấn

đề thì giải pháp trước mắt là làm tốt công tác hướng nghiệp và hỗ trợ học nghề phù hợp, đúng với nhu cầu của trẻ thông qua phương pháp quản lý trường hợp trong công tác xã hội cho nhóm trẻ em này.

3.2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của giải pháp

Trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi là những trẻ đang ở độ tuổi vị thành niên. Đây là độ tuổi vẫn chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cha mẹ và phải tuân theo quyết định của cha mẹ/người chăm sóc hoặc phụ thuộc vào cha mẹ/ người chăm sóc và không thể tự mình quyết định tương lai. Bên cạnh đó, đây cũng là nhóm trẻ thường có ít thông tin về thị trường lao động và việc làm, định hướng nghề nghiệp. Thực tiễn từ kết quả khảo sát cho thấy 65% trẻ em lựa chọn nghề học dựa trên định hướng, lời khuyên của cha mẹ/ người chăm sóc hoặc vì thấy có người quen theo học hoặc có người thân đang làm nghề này, hoặc muốn học là để có nghề hoặc thấy nghề này dễ học, là ngành trọng điểm hiện nay và mau kiếm được tiền. Đồng thời, nhận thức của nhiều trẻ và phụ huynh vẫn còn mơ hồ và chưa đầy đủ về quyền tham gia cũng như một số qui định liên quan đến thời gian làm việc, công việc mà trẻ được phép làm, những công việc không được sử dụng lao động trẻ em, cụ thể như có 20,9% trẻ và phụ huynh hiểu sai hoặc không biết về thời gian làm việc của người lao động chưa thành niên; 15,9% trẻ và phụ huynh “không biết” về các hình thức xử lý đối với việc sử dụng người dưới 16 tuổi làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm; 90,8% trẻ và phụ huynh chỉ biết đến 3/4 nhóm quyền theo pháp luật Việt Nam quy định: quyền sống còn, quyền được bảo vệ và quyền được phát triển, riêng quyền được tham gia thì chỉ có một số ít trẻ và phụ huynh biết đến. Đặc biệt là có nhiều trẻ em và phụ huynh còn chưa nhận thức được việc đào tạo nghề là một nhu cầu, một yếu tố cần thiết để đảm bảo cuộc sống lâu dài cho bản thân, cho gia đình nên chưa quan tâm đến việc học nghề. Vì vậy, việc tiếp cận, tư vấn, tác động đến việc thay đổi nhận thức của trẻ và phụ huynh trong hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ em là vô cùng cần thiết. Không chỉ trẻ em mà cha mẹ của trẻ cũng cần hiểu tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo nghề đối với sự phát triển lâu dài của trẻ và vai trò của họ trong việc khuyến khích, thúc đẩy trẻ theo học một nghề phù hợp.

Thêm vào đó, 54,7% trẻ có trình độ từ lớp 6 đến lớp 8 và 25,3% trẻ có trình độ từ lớp 1 đến lớp 5 khó có cơ hội tiếp cận với các trường trung cấp nghề vì

chưa tốt nghiệp trung học cơ sở. Thậm chí ngay cả đối với những trẻ đã tốt nghiệp trung học cơ sở cũng khó có thể tiếp cận được với trung cấp nghề do gia đình các em quá khó khăn, đơn chiếc và trẻ phải tham gia lao động kiếm tiền hàng ngày nên không có thời gian và điều kiện đi học cũng như không đủ khả năng chi trả các chi phí liên quan khác như phí thực hành, mua tài liệu (các trường trung cấp thường có quy định học tập rõ ràng và thời gian cố định). Điều này có thể lý giải lý do tại sao nhiều trẻ em không muốn hoặc không thể tham gia các khóa đào tạo toàn thời gian. Mặt khác, tâm lý của đa số trẻ em lao động và gia đình là muốn làm việc có thu nhập ngay, ít quan tâm đến việc phải học để có nghề. Đồng thời mỗi trẻ là một cá thể riêng biệt với độ tuổi, cá tính, năng lực, nhu cầu và hoàn cảnh khác nhau, do đó hỗ trợ đào tạo nghề và kỹ năng mềm cho trẻ cần có một phương pháp can thiệp phù hợp và phải bố trí thời gian phù hợp với từng trẻ, trong đó phương pháp quản lý trường học được xem là phương pháp can thiệp mang lại nhiều lợi ích trong việc hỗ trợ cho nhóm trẻ này.

3.2.2. Hướng nghiệp cho trẻ

Với những trẻ đã xác định được nhu cầu/nguyện vọng học nghề cần được lập hồ sơ quản lý trường học và tư vấn hướng nghiệp cụ thể dựa trên năng lực/ định hướng nghề nghiệp của từng em. Mục đích của tham vấn hướng nghiệp là giúp trẻ và gia đình các em hiểu rõ khả năng, điểm mạnh, điểm yếu, hoàn cảnh và nhu cầu của thị trường lao động để trẻ có sự lựa chọn nghề nghiệp đúng đắn, từ đó hỗ trợ trẻ phát triển kế hoạch nghề nghiệp cá nhân phù hợp. Ngoài ra tham vấn hướng nghiệp còn giúp trẻ và gia đình hiểu hơn về quyền trẻ em, luật lao động liên quan đến trẻ em. Để tham vấn hướng nghiệp cho trẻ có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em hiệu quả thì cần thực hiện các hoạt động chính sau:

Thứ nhất, lập bản đồ đào tạo nghề của các cơ sở dạy nghề có sẵn/ các cơ hội việc làm /nhu cầu thị trường trong các ngành tăng trưởng kinh tế ở mỗi địa phương, đặc biệt là những cơ sở đã cung cấp dịch vụ đào tạo nghề cho trẻ em dễ bị tổn thương.

Thứ hai, lập kế hoạch tham vấn hướng nghiệp với mục đích, mục tiêu, đối tượng, địa điểm, phương pháp, nội dung hướng nghiệp rõ ràng và dựa trên năng lực nghề nghiệp của mỗi trẻ (phiếu trắc nghiệm nghề nghiệp). Nhóm thực hiện tham vấn hướng nghiệp cho trẻ và cha mẹ/người chăm sóc trẻ gồm nhân

viên quản lý trường học/nhân viên công tác xã hội, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề và chính quyền địa phương, ngành lao động - thương binh - xã hội (phòng dạy nghề và bảo vệ trẻ em). Nhóm thực hiện tham vấn cần nghiên cứu hồ sơ quản lý của từng trẻ để hướng nghiệp cho các em.

Thứ ba, thực hiện tham vấn. Sau phần giới thiệu mục đích, các buổi tham vấn hướng nghiệp nên kết hợp truyền thông khái quát về quyền trẻ em, lao động trẻ em, pháp luật về lao động trẻ em, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo nghề để có việc làm ổn định cũng như các chế độ hỗ trợ mà trẻ nhận được trong suốt quá trình học nghề cũng như trách nhiệm của trẻ, của phụ huynh trong việc cam kết học nghề. Kế đó, buổi tham vấn cần dành thời gian giới thiệu về các ngành nghề mà xã hội/ đại phương đang cần, điều kiện, yêu cầu về sức khỏe, độ tuổi, năng khiếu để chọn nghề và các chế độ trợ cấp, cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp. Sau đó, mỗi trẻ và phụ huynh cần được các doanh nghiệp, trường nghề và nhân viên công tác xã hội tham vấn hướng nghiệp riêng dựa trên nhu cầu, điểm mạnh, điểm yếu, năng lực phù hợp với từng nhóm nghề cụ thể cũng như địa điểm và thời gian học nghề phù hợp với hoàn cảnh cá nhân.

Cuối cùng, khi trẻ đã quyết định được nghề nghiệp muốn học thì trẻ và cha mẹ/ người chăm sóc cần ký cam kết tham gia học nghề, để họ có trách nhiệm, quan tâm và tạo điều kiện cho trẻ học nghề.

3.2.3. Hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ

Căn cứ vào nhu cầu, độ tuổi, tình trạng sức khỏe, trình độ văn hóa, sở thích; hoàn cảnh cụ thể và công việc làm thêm của từng trẻ, nhân viên quản lý trường học /nhân viên bảo vệ trẻ em tại địa phương cần dành đủ thời gian và sử dụng các phương pháp phù hợp để thiết kế các hỗ trợ.

Với trẻ có nhu cầu vừa học nghề, vừa học văn hóa thì xem xét gửi trẻ đến các trường/trung tâm dạy nghề (đào tạo chính quy), còn riêng trẻ có nhu cầu học nghề ngắn hạn, vừa học vừa làm (không thể theo học tại các trường nghề do phải kiếm sống, trình độ học vấn thấp, khuyết tật) thì gửi trẻ đến học, thực tập/ học việc tại các cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp phù hợp tại địa phương nơi trẻ sinh sống (do chủ doanh nghiệp cố vấn). Để hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ, nhân viên quản lý trường học/ nhân viên bảo vệ trẻ em tại địa phương cần huy động các nguồn tài trợ sẵn có tại địa phương (từ cá nhân, doanh nghiệp, bản thân trẻ

và gia đình) kết hợp với các chương trình của Chính phủ (như chương trình năm 1956, chương trình hỗ trợ cho trẻ khuyết tật, trẻ em nghèo, trẻ mồ côi...) cũng như các chương trình, dự án của các tổ chức phi chính phủ để cung cấp hỗ trợ học nghề cho trẻ em. Sau đó thực hiện các bước trong quy trình quản lý ca, cụ thể như sau:

Bước 1: Tìm kiếm các tổ chức dạy nghề và nhà cung cấp dịch vụ học nghề phù hợp, sẵn sàng dạy nghề cho trẻ theo nhu cầu và đặc điểm thời gian, phương tiện đi lại của trẻ tại chính địa phương trẻ sinh sống. Hoạt động này cần được xác định và thực hiện nhanh chóng vì trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em có thể sẽ rời khỏi địa phương để đi làm tại các thành phố lớn.

Bước 2: Đến thăm trẻ (vãng gia) để tìm hiểu hoàn cảnh gia đình của từng trẻ, xác định nhu cầu học nghề và vấn đề của các em cũng như thực hiện tham vấn hướng nghiệp cho trẻ.

Bước 3: Nhân viên quản lý trường học/nhân viên công tác xã hội tiến hành làm việc với từng trẻ để xây dựng kế hoạch học nghề cá nhân.

Bước 4: Lựa chọn tổ chức dạy nghề thích hợp nhất với từng trẻ trong danh sách các tổ chức dạy nghề tiềm năng ở bước 1, tiến hành ký kết thỏa thuận hợp tác. Ở hoạt động này, các yêu cầu về phương pháp dạy nghề; thiết kế tài liệu giảng dạy phù hợp có lồng ghép đào tạo kỹ năng trong quá trình dạy nghề cho trẻ; vấn đề thực hành, thực tập; kiểm tra đánh giá; hỗ trợ phí phụ việc cho trẻ khi trẻ có thể làm ra sản phẩm; thời gian học, thực hành, phụ việc; các quy định về lao động trẻ em ... đã được trao đổi cụ thể và thống nhất với cơ sở dạy nghề và trẻ. Với những trẻ có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em thì thời gian tham gia học nghề có thể linh động. Đồng thời việc thỏa thuận chi phí học tập với các cơ sở dạy nghề cũng rất cần thiết trong bước này vì trẻ em lao động sớm và gia đình các em không có nguồn lực tài chính cho việc học nghề. Ngoài nguồn tài chính được tài trợ từ các dự án, cần huy động từ các chương trình đào tạo nghề từ địa phương, sự đóng góp của doanh nghiệp/cơ sở dạy nghề và sự cam kết của gia đình trong việc tạo điều kiện cho trẻ có thời gian đi học nghề.

Bước 5: Gửi trẻ đến cơ sở dạy nghề và học nghề thích hợp/dịch vụ cung cấp học nghề, dựa trên nhu cầu và đặc điểm của từng em. Trong bước này, nhân viên quản lý trường học thường xuyên thực hiện theo

đổi, tư vấn và hỗ trợ trẻ trong suốt quá trình trẻ học nghề như quản lý, thăm hỏi, giám sát và tư vấn, hỗ trợ tâm lý - xã hội dựa trên nhu cầu của từng trường hợp. Đồng thời cùng với tổ chức/cơ sở dạy nghề đánh giá kết quả đào tạo nghề và tay nghề, thái độ nghề nghiệp của từng trẻ.

Bước 6: Sau khi trẻ hoàn thành khóa đào tạo nghề, nhân viên quản lý trẻ cùng với tổ chức/cơ sở dạy nghề tiến hành liên kết/giới thiệu trẻ với nhà tuyển dụng cũng như cung cấp hỗ trợ cho trẻ trong thời gian đầu làm việc.

4. Kết luận và khuyến nghị

Trẻ em từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em tại tỉnh An Giang có nhu cầu học nghề và nhu cầu này rất đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, công tác đào tạo nghề cho nhóm trẻ này vẫn chưa được quan tâm kịp thời do nhiều lý do khác nhau, trong đó có cả lý do về độ tuổi, trình độ và các chính sách hỗ trợ. Vì thế, nhiều trẻ vị thành niên trong độ tuổi này đã tìm cách di cư đến các khu công nghiệp, các thành phố lớn để có thu nhập cao và ổn định hơn. Để giảm thiểu lao động trẻ em, tạo khả năng có việc làm bền vững cho các em khi đến tuổi lao động được luật pháp cho phép cũng như cân đối cơ cấu lao động tại khu vực nông thôn và tại các địa phương trong tỉnh, thì cần phải thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề có chất lượng, miễn phí cho nhóm trẻ này. Tuy nhiên, hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ từ 14 đến dưới 18 tuổi có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em là một quá trình can thiệp lâu dài, nỗ lực và bền bỉ trong việc vận động, tuyên truyền, giám sát và phối kết hợp giữa các tổ chức, ban ngành, cá nhân với nhau, do đó cần quan tâm, chú ý đến những vấn đề sau:

Thúc đẩy tư vấn, tham vấn, định hướng nhu cầu học nghề phù hợp với sở thích, năng lực bản thân và phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương cho trẻ em bỏ học, có nguy cơ bỏ học, trẻ em lao động sớm.

Hỗ trợ đào tạo nghề cho nhóm trẻ theo tiến trình quản lý ca cụ thể, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của từng em và hướng phát triển của địa phương, việc làm sau khi tốt nghiệp, trong đó chú trọng đến sự tham gia có trách nhiệm của địa phương, doanh nghiệp, bản thân trẻ và gia đình các em.

Vấn đề trẻ em lao động sớm là một vấn đề nan giải và có tác động rất lớn đến sự phát triển xã hội. Hiện nay đa số các gia đình nghèo, cận nghèo, khó khăn thường buộc phải để con, em mình làm việc

kiếm tiền nhằm duy trì cuộc sống. Vì vậy, bên cạnh việc hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho trẻ, cần phải nâng cao nhận thức của gia đình về ảnh hưởng của lao động trẻ em, quyền trẻ em, luật lao động trẻ em, giá trị của giáo dục, giáo dục nghề nghiệp đối với trẻ em và hỗ trợ sinh kế bền vững cho các hộ gia đình nhằm giúp họ thay đổi nhận thức, ủng hộ trẻ tham gia học nghề và cải thiện điều kiện kinh tế. Điều này sẽ giúp giảm thiểu nguy cơ bỏ học nghề của trẻ em và lao động trẻ em.

Trong quá trình hỗ trợ học nghề cần quan tâm giám sát, chặt chẽ các hoạt động học nghề của trẻ em để không vô tình biến trẻ em trở thành lao động trẻ em (xác định rõ ranh giới giữa truyền nghề, học nghề và lao động trẻ em, nhất là trong thực hành nghề).

Nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề cho nhóm trẻ có nguy cơ hoặc tham gia lao động trẻ em để đảm bảo sự thành công và hiệu quả của các can thiệp, hỗ trợ trực tiếp cũng như hoạt động kết nối, huy động nguồn lực tại địa phương.

Ghi chú: Các dữ liệu trong bài viết được sử dụng từ *Hợp phần Hỗ trợ đào tạo nghề cho trẻ từ 14 -17 tuổi tại tỉnh An Giang do tổ chức ILO tài trợ, Trung tâm Nghiên cứu Khoa học xã hội & nhân văn - Trường Đại học An Giang là đơn vị thực hiện.*

Tài liệu tham khảo

- Cục Thống kê tỉnh An Giang. (2020). *Niên giám thống kê năm 2019*.
- Hồ, P. H. P., & Trần, T. T. (2013). *Tài liệu Dành cho cha mẹ “Giúp con hướng nghiệp”* - Phụ lục 2 và 3, 46-54. Hội LHPN Việt Nam và Tổ chức Giáo dục vì sự phát triển (VVOB).
- Khánh, V. (2019). An Giang: “Nỗ lực phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em”. *Báo Dân Sinh*. Truy cập từ <https://baodansinh.vn/an-giang-no-luc-phong-ngua-giam-thieu-lao-dong-tre-em-20191230160136739.htm>.
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang. (2020). *Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, phụ lục tổng kết các phòng*. Số: 2077/BC-SGDĐT.
- Trần, T. K. L. (2017). *Nghiên cứu dự báo nhu cầu giáo viên phổ thông và dạy nghề ở An Giang đến năm 2030*, tr. 45. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang.